

Bản án số: 1502/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Thanh Thà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Phước Trinh

Bà Phạm Thị Ngọc

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 760/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 299/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 258/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số 64, Đường P, Tổ 21, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Bùi Mỹ P, sinh năm 1973;

Địa chỉ trước khi mất tích: Số 64, Đường P, Tổ 21, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung xin ly hôn ngày 06/7/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H trình bày:

Ông với bà Bùi Mỹ P tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 77 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/6/2001. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cự cãi nhau, hai bên đã hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến khoảng đầu năm 2012, bà P đã bỏ nhà đi mất tích đến nay, ông đã yêu cầu Tòa án tuyên bố bà P mất tích theo Quyết định tuyên bố một người mất tích số 160 ngày 02/5/2018. Ông nhận thấy vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc thương yêu tạo

điều kiện cho nhau nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông yêu cầu được ly hôn với bà Bùi Mỹ P.

Về con chung: Nguyễn Thị H, sinh năm 1999 đã trưởng thành nên ông không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Ông xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: 01 giấy khai sinh (bản sao), chứng minh nhân dân+ sổ hộ khẩu (sao y); 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản sao).

Bị đơn bà Bùi Mỹ P từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, mặc dù bà P đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà P vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà P.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Bùi Mỹ P.

Bị đơn bà Bùi Mỹ P vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Mạnh H và bà Bùi Mỹ P tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 12/6/2001 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của ông H xin ly hôn với bà P là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, theo lời trình bày của ông H thì cuộc sống vợ chồng của ông và bà P không hạnh phúc. Hơn nữa, bà P đã bỏ đi từ năm 2012 đến nay không liên lạc với gia đình. Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa ông H và bà P đã trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ giải quyết cho ông H ly hôn với bà P theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét ngày 02/5/2018 Tòa án nhân dân huyện Củ Chi đã tuyên bố một người mất tích đối với bà Bùi Mỹ P, căn cứ vào Quyết định tuyên bố một người mất tích số: 160/2018/QĐDS-ST ngày 02/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2 nhưng bà P vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà P.

Về con chung: Ông H và bà P có 01 con chung tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1999 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Ông H xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Ông H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, tại phiên Tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H. Hội đồng xét xử thấy phù hợp nên ghi nhận.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”, Hội đồng xét xử buộc ông H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Mạnh H được ly hôn với bà Bùi Mỹ P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 77, ngày 12/6/2001 do UBND xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Mạnh H và bà Bùi Mỹ P không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1999 đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông H xác định không yêu cầu nên không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự: Ông H xác định không có nên không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng buộc ông Nguyễn Mạnh H phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0032738 ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. C;
- UBND xã P, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Thị Thanh Thà